TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH LÂM ĐỒNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 228/2025/DS-PT
Ngày: 15 – 9 - 2025
V/v Tranh chấp Hợp đồng vay tài sản

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH LÂM ĐỒNG

- Với thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Lê Phương;

Các Thẩm phán: Ông Lê Minh Tuấn và ông Nguyễn Anh Dũng;

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Huyền Anh – Thư ký Tòa án của Tòa án nhân dân tỉnh Lâm Đồng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lâm Đồng tham gia phiên tòa: Bà Lương Thị Mai Chăm - Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 9 năm 2025 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Lâm Đồng (Cơ sở 1) xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 87/2025/TLPT-DS ngày 18 tháng 6 năm 2025 về việc: *"Tranh chấp Hợp đồng vay tài sản"*. Do Bản án dân sự sơ thẩm số 97/2024/DS-ST ngày 30 tháng 9 năm 2024 của Tòa án nhân dân thị xã La Gi, tỉnh Bình Thuận (Nay là Tòa án nhân dân khu vực 15 - Lâm Đồng, tỉnh Lâm Đồng) bị kháng cáo. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 375/2025/QĐ – PT ngày 14 tháng 8 năm 2025, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Ngô Thị Thùy D, sinh năm 1964; địa chỉ: Thôn L, xã T, huyện H, tỉnh Bình Thuận (Nay là thôn L, xã T, tỉnh Lâm Đồng). (Có mặt)

2. Bị đơn:

2.1. Bà Huỳnh Thị Tuyết H, sinh năm 1977; địa chỉ: Khu phố D, phường T, thị xã L, tỉnh Bình Thuận (Nay là khu phố D, phường L, tỉnh Lâm Đồng). (Vắng mặt)

2.2. Ông Bùi Văn H1, sinh năm 1973; (Có mặt)

Nơi đăng ký thường trú: Khu phố L, thị trấn T, huyện H, tỉnh Bình Thuận (Nay là khu phố L, xã H, tỉnh Lâm Đồng).

Nơi ở hiện tại: Khu phố D, phường T, thị xã L, tỉnh Bình Thuận (Nay là khu phố D, phường L, tỉnh Lâm Đồng).

3. Người kháng cáo: Bị đơn ông Bùi Văn H1.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo hồ sơ vụ án sơ thẩm, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

**** Nguyên đơn bà Ngô Thị Thùy D trình bày:*** Do quen biết lâu năm và trước đó ông H1 đã vay và trả đúng hạn, bà D tin tưởng cho vay. Ngày 29/5/2020, tại nhà bà D, ông H1 và bà H ký Giấy mượn tiền, ghi nhận vợ chồng ông H1 vay 500.000.000 đồng, thời hạn 3 tháng, với lãi suất do các bên tự thỏa thuận. Để tạo niềm tin, họ đã giao Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của cha bà H cho bà D giữ, sau đó thay thế bằng Giấy chứng nhận mới đứng tên ông H1. Dù đã quá hạn, ông H1 và bà H không trả nợ như cam kết và liên tục hứa hẹn. Năm 2023, bà D đã khởi kiện, và sau khi ông H1 cam kết trả nợ trong 3 tháng, bà D đã rút đơn. Tuy nhiên, sau khi hết hạn, ông H1 vẫn không trả, buộc bà D phải nộp đơn khởi kiện lại. Đây là khoản nợ chung của vợ chồng ông H1 và bà H, do đó cả hai phải có trách nhiệm thanh toán.

Nay bà D yêu cầu Tòa án buộc bà Huỳnh Thị Tuyết H và ông Bùi Văn H1 phải có trách nhiệm trả cho bà D số tiền nợ gốc 500.000.000 đồng (Năm trăm triệu đồng) và không yêu cầu tính lãi. Tại phiên tòa, bà D vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện.

**** Bị đơn ông Bùi Văn H1 trình bày:*** Vào ngày 29/5/2020, vợ chồng ông H1 đến nhà bà D vay 500.000.000 đồng. Bà D đồng ý cho vay, hai bên thỏa thuận và lập một bản chính Giấy mượn tiền, ghi rõ: Thời hạn vay 3 tháng từ ngày 29/5/2020, lãi suất 4%/tháng. Vợ chồng ông H1 đã giao cho bà D bản chính Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BS 814085, do UBND thị xã L cấp ngày 06/6/2014, đã chuyển nhượng cho ông H1 vào ngày 23/8/2018, nhằm tạo niềm tin, dù không lập hợp đồng thế chấp hay đăng ký bảo đảm. Lãi suất được thỏa thuận miệng, không ghi vào Giấy mượn tiền. Sau khi ký, vợ chồng ông H1 nhận đủ 500.000.000 đồng. Hàng tháng, vợ chồng ông H1 trả lãi cho bà D 20.000.000 đồng/tháng. Đến ngày 06/01/2022, không còn khả năng trả lãi, hai bên thỏa thuận giảm lãi xuống 15.000.000 đồng/tháng, sau đó giảm tiếp còn 13.750.000 đồng vào ngày 30/3/2022 và 12.500.000 đồng vào ngày 29/6/2022. Vợ chồng ông H1 trả lãi đều đặn đến ngày 06/7/2023 thì ngưng, tổng cộng đã trả 700.000.000 đồng tiền lãi. Về khoản gốc, do kinh tế khó khăn, họ không thể thanh toán khi quá hạn. Ông H1 xác nhận đến nay vợ chồng ông vẫn chưa trả được số tiền gốc 500.000.000 đồng. Ông đồng ý với yêu cầu khởi kiện của bà D, nhưng đề nghị Tòa án xem xét lại khoản lãi mà vợ chồng ông đã trả từ năm 2020 đến nay.

** Bị đơn bà Huỳnh Thị Tuyết H vắng mặt không trình bày ý kiến.*

*** Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 97/2024/DS-ST ngày 30 tháng 9 năm 2024 của Tòa án nhân dân thị xã La Gi, tỉnh Bình Thuận (Nay là Tòa án nhân dân khu vực 15 - Lâm Đồng, tỉnh Lâm Đồng) đã quyết định:**

Căn cứ khoản 3 Điều 26; Điểm a khoản 1 Điều 35; Khoản 1 Điều 39; Điều 91; Khoản 2 Điều 92; Khoản 1 Điều 147; Khoản 1 Điều 161; Điểm b khoản 2 Điều 227; Khoản 3 Điều 228; Điều 271; Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 117; Điều 357; Điều 463; Điều 466, Điều 468 của Bộ luật Dân sự;

Căn cứ vào khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Ngô Thị Thùy D:

- Buộc bà Huỳnh Thị Tuyết H và ông Bùi Văn H1 phải trả cho bà Ngô Thị Thùy D số tiền là 500.000.000 đồng (Năm trăm triệu đồng).

Ngoài ra, Tòa án cấp sơ thẩm còn tuyên về lãi chậm thi hành án, án phí, quyền và nghĩa vụ thi hành án và quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Sau khi xét xử sơ thẩm, bị đơn ông Bùi Văn H1 kháng cáo toàn bộ bản án dân sự sơ thẩm yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm giải quyết: Sửa bản án dân sự sơ thẩm của Tòa án nhân dân khu vực 15 – Lâm Đồng, tỉnh Lâm Đồng theo hướng xem xét lại việc trả lãi của bị đơn cho nguyên đơn để khấu trừ vào tiền lãi và tiền nợ gốc.

*** Tại phiên tòa phúc thẩm:**

- Bị đơn ông Bùi Văn H1 đề nghị được trả 50% số nợ gốc cho nguyên đơn.

- Nguyên đơn bà Ngô Thị Thùy D giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm không chấp nhận kháng cáo của bị đơn ông Bùi Văn H1. Bà D không đồng ý giảm nợ gốc như yêu cầu của bị đơn. Nếu bị đơn thể hiện việc thiện chí trả nợ khi thi hành án thì nguyên đơn sẽ giảm nợ gốc.

- Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lâm Đồng phát biểu ý kiến:

+ Về thủ tục tố tụng: Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa và Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự từ khi thụ lý vụ án để xét xử phúc thẩm đến trước khi nghị án; Các đương sự tham gia tố tụng chấp hành đúng quyền và nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

+ Về nội dung vụ án: Quá trình tham gia tố tụng tại phiên tòa sơ thẩm, phiên tòa phúc thẩm, cũng như các tài liệu, chứng cứ thu thập có trong hồ sơ vụ án, có đủ căn cứ xác định: Tòa án cấp sơ thẩm chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ. Bị đơn ông Bùi Văn H1 kháng cáo nhưng không cung cấp thêm chứng cứ gì để chứng minh cho kháng cáo của mình. Đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của bị đơn ông Bùi Văn H1, giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa và ý kiến của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử (HĐXX) nhận định như sau:

[1] Về thủ tục tố tụng: Bị đơn ông Bùi Văn H1 kháng cáo trong thời hạn và đúng quy định pháp luật nên vụ án được xem xét theo trình tự thủ tục phúc thẩm. Tòa án cấp sơ thẩm thụ lý và giải quyết yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là đúng quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Tại phiên tòa, bị đơn ông Bùi Văn H1 cho rằng Tòa án cấp sơ thẩm đã tống đạt cho bị đơn không hợp lệ vì ông H1 cư trú tại khu phố L, thị trấn T, huyện H, tỉnh Bình Thuận (Nay là khu phố L, xã H, tỉnh Lâm Đồng). Tuy nhiên, tại đơn kháng cáo ông H1 vẫn xác định nơi cư trú của ông H1 là khu phố D, phường T, thị xã L, tỉnh Bình Thuận (Nay là khu phố D, phường L, tỉnh Lâm Đồng) và ông vẫn nhận được bản án để kháng cáo. Do đó việc tống đạt và niêm yết của cấp sơ thẩm là hoàn toàn đúng quy định.

[3] Xét kháng cáo của bị đơn ông Bùi Văn H1, Hội đồng xét xử thấy rằng: Tại Giấy mượn tiền lập ngày 29/5/2020, thể hiện việc bà D cho vợ chồng ông H1, bà H vay số tiền 500.000.000 đồng. Hợp đồng này có thỏa thuận về thời hạn vay, không có thỏa thuận lãi suất và không có mục đích vay. Giấy vay tiền này có chữ ký, chữ viết vợ chồng ông H1, bà H. Như vậy, có cơ sở xác định giữa các bên đã thỏa thuận thực hiện Hợp đồng vay tài sản. Tại Giấy cam kết ngày 01/11/2023 ông H1 viết cam kết ba tháng sau từ ngày 01/11/2023 sẽ thanh toán dần cho bà D, không tính lãi suất. Như vậy giữa các bên đã có sự xác nhận lại nợ vay từ ngày 01/11/2023 không còn tính tiền lãi. Bị đơn không cung cấp chứng cứ gì mới nên không có cơ sở xem xét giải quyết tiền lãi đã trả.

[4] Tại phiên tòa bị đơn ông Bùi Văn H1 đề nghị nguyên đơn giảm 50% tiền nợ gốc, xin trả 250.000.000 đồng. Nguyên đơn không đồng ý với ý kiến của bị đơn. Nguyên đơn chỉ đồng ý giảm nợ gốc, chỉ khi nào bị đơn thực hiện trả nợ tại Cơ quan Thi hành án. Xét thấy, các đương sự không thỏa thuận được về việc trả nợ, ý kiến của nguyên đơn chỉ giảm nợ gốc cho bị đơn khi thi hành án là thỏa

thuận thi hành án sau khi bản án có hiệu lực pháp luật nên không thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án.

[5] Qua hồ sơ vụ án, xem xét toàn bộ quá trình tố tụng ở cấp sơ thẩm thì bản án sơ thẩm chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là hoàn toàn có căn cứ. Tại phiên tòa xét xử phúc thẩm, bị đơn ông Bùi Văn H1 không cung cấp chứng cứ gì mới để chứng minh cho yêu cầu kháng cáo nên kháng cáo của bị đơn ông Bùi Văn H1 là không có cơ sở chấp nhận. Do đó, đề nghị của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lâm Đồng là đúng pháp luật, phù hợp với nhận định của HĐXX nên được chấp nhận. HĐXX giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm không chấp nhận kháng cáo của bị đơn ông Bùi Văn H1.

[6] Về án phí dân sự phúc thẩm: Do kháng cáo không được chấp nhận nên người kháng cáo phải chịu án phí dân sự phúc thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ: Khoản 1 Điều 308, khoản 1 Điều 148 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Tuyên xử: Không chấp nhận kháng cáo của bị đơn ông Bùi Văn H1. Giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 97/2024/DS-ST ngày 30 tháng 9 năm 2024 của Tòa án nhân dân thị xã La Gi, tỉnh Bình Thuận (Nay là Tòa án nhân dân khu vực 15 - Lâm Đồng, tỉnh Lâm Đồng).

2. Căn cứ:

- Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

- Điều 117; Điều 357; Điều 463; Điều 466, Điều 468 của Bộ luật Dân sự;

- Khoản 2 Điều 26, khoản 2 Điều 27 và khoản 1 Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/UBNTVQH14 ngày 30/12/2014 của Ủy Ban Thường vụ Q;

3. Tuyên xử:

3.1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Ngô Thị Thùy D:

- Buộc bà Huỳnh Thị Tuyết H và ông Bùi Văn H1 phải trả cho bà Ngô Thị Thùy D số tiền là 500.000.000 đồng (Năm trăm triệu đồng).

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (Đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (Đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự.

3.2. Về án phí dân sự sơ thẩm: Buộc bà Huỳnh Thị Tuyết H và ông Bùi Văn H1 phải nộp 24.000.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6, 7, 7A, 7B và 9 Luật Thi hành án dân sự thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

3.3. Về án phí dân sự phúc thẩm: Ông Bùi Văn H1 phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự phúc thẩm, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0011967 ngày 31/10/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã La Gi, tỉnh Bình Thuận (Nay là Phòng Thi hành án dân sự khu vực 15 - Lâm Đồng, tỉnh Lâm Đồng). Bị đơn đã nộp đủ án phí dân sự phúc thẩm.

Bản án dân sự phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án (Ngày 15/9/2025).

Nơi nhận:
- VKSND tỉnh Lâm Đồng;
- TAND, VKSND, Phòng THADS khu vực 15 – Lâm Đồng;
- Các đương sự;
- Cổng TTĐT-TANDTC;
- Lưu: Hồ sơ; Tòa DS; Tổ HCTP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Lê Phương